TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **236**/2025/HSPT
Ngày: 15/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 204/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Tấn V về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Do có kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2025/HS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Nguyễn Tấn V, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1990 tại tỉnh Quảng Ngãi; số CCCD: 051090005472 do Cục C cấp ngày 09/5/2021; nơi cư trú: tổ E, phường N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn V1, sinh năm 1954 và bà Phan Thị Thanh N, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Khánh S (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/7/2024 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn V:* bà Trần Thị H, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Minh H1 và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: số A P, phường N, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* chị Phạm Thị Lý P, sinh năm 1990; trú tại: lô A đường số A, khu Đ, phường N, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

1. Chị Nguyễn Tạ Nữ Diệu H2, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ A, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị H2: ông Nguyễn Văn Q, Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố Đ; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Minh H3, sinh năm 1991; địa chỉ: A N, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3. Anh Trần Phạm Thanh X, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ dân phố B, xã T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:*

1. Anh Võ Thanh N1, sinh năm 1986; địa chỉ: khu đô thị P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Đào N2, sinh năm 1985, địa chỉ: số B đường T, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Việt Võ T, sinh năm 1996, địa chỉ: tổ A, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976, địa chỉ: tổ A, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Tấn V và Phạm Thị Lý P, quen biết nhau vào đầu năm 2022 và nảy sinh quan hệ tình cảm. Khoảng tháng 7/2022, do thiếu nợ nhiều người và không có tiền trả, Nguyễn Tấn V nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị P. V đưa ra thông tin gian dối với chị P là V đang dự định đầu tư 01 thửa đất có diện tích 10.000m^2 tại xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, với giá 08 tỷ đồng, đây là thửa đất có tiềm năng sinh lời cao nhưng V còn thiếu 01 tỷ đồng nên nhờ P đứng tên vay Ngân hàng giúp V số tiền 01 tỷ đồng. V hứa hẹn với P sau khi mua thửa đất này, V sẽ bán ngay hoặc thế chấp vay Ngân hàng để trả lại tiền cho P. Do tin tưởng nên P vay Ngân hàng 01 tỷ đồng. Sau khi vay vào ngày 26/7/2022, P sử dụng số tài khoản 4512207000559, cá nhân thuộc Ngân hàng N3, chuyển 03 lần với tổng số tiền 01 tỷ đồng (lần 1: 450 triệu đồng, lần 2: 450 triệu đồng, lần 3: 100 triệu đồng) vào số tài khoản 1020534205, thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần N4 của V. Sau khi nhận được tiền của chị P, V đã chuyển tiền trả nợ cá nhân cho nhiều người và tiêu xài cá nhân nên không có khả năng trả lại tiền cho chị P. Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán, Nguyễn Tấn V không trả và bỏ trốn.

Ngày 01/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã ra Quyết định truy tìm người số 03/QĐ-TT-CSHS, đối với Nguyễn Tấn V. Ngày 14/7/2024, Cơ quan điều tra phát hiện, V đang lẩn trốn tại số E đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Tấn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập.

Quá trình điều tra tại Chi nhánh Văn phòng Đ1, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L, xác định: Không có thông tin phát sinh đăng ký biến động giao dịch tài sản liên quan quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bị cáo V tại tỉnh Lâm Đồng (BL 124-134).

** Kết quả giám định dữ liệu điện tử:* Ngày 28/6/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định số 134/QĐ-CSHS, trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh Q giám định kỹ thuật số điện tử đối với dữ liệu trong điện thoại của chị Phạm Thị Lý P. Bản kết luận giám định số 682/KL-KTHS, ngày 28/7/2023, kết luận: "Điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356266763897987, xác định: Trích xuất được nội dung tin nhắn giữa tài khoản Zalo tên "P" (số điện thoại đăng ký Zalo: 0906566625) với tài khoản Zalo có tên lưu trên điện thoại là "V". Nội dung dữ liệu trích xuất được sao chép vào 01 đĩa DVD" (BL 118).

Sao kê tài khoản Ngân hàng của V và kết quả xác minh xác định: Sau khi chiếm đoạt số tiền 01 tỷ đồng của bị hại, bị cáo V đã chuyển khoản để trả nợ cho các cá nhân: Nguyễn Thị Minh H3 số tiền **205 000.0000đ**; ông Trần Phạm Thanh X số tiền **21.000.000đ**; bà Nguyễn Tạ Nữ Diệu H2 số tiền **400.000.000đ**; ông Võ Thanh N1 số tiền **13.000.000đ**; bà Nguyễn Đào N2 số tiền **22.000.000đ**; ông Nguyễn Việt Võ T số tiền **5.700.000đ**; ông Nguyễn Văn Đ số tiền **2.500.000đ**. Số tiền còn lại Nguyễn Tấn V đã tiêu xài cá nhân hết.

*** Về phần dân sự:** Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại yêu cầu bị cáo V bồi thường thiệt hại số tiền 1.328.967.123 đồng, trong đó 01 tỷ đồng bị chiếm đoạt và 328.967.123 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2025) mà P vay của Ngân hàng. Bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại với số tiền 200.000.000 đồng (BL 799-801).

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2025/HS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn V phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

2. Về hình phạt: căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn V 11*(Mười một)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 15/7/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tấn V phải tiếp tục bồi thường số tiền 459.767.123 *(Bốn trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi ba đồng)* đồng cho chị Phạm Thị Lý P.

- Buộc chị Nguyễn Thị Minh H3 phải trả cho chị Phạm Thị L P số tiền 205.000.000 *(Hai trăm lẻ năm triệu)* đồng;

- Buộc anh Trần Phạm Thanh X phải trả lại cho chị Phạm Thị L P số tiền 21.000.000 *(Hai mươi mốt triệu)* đồng;

- Buộc chị Nguyễn Tạ Nữ Diệu H2 phải trả lại cho chị Phạm Thị L P số tiền 400.000.000 *(Bốn trăm triệu)* đồng;

- Buộc anh Võ Thanh N1 phải trả lại cho chị Phạm Thị L P số tiền 13.000.000 *(Mười ba triệu)* đồng;

- Buộc chị Nguyễn Đào N2 phải trả lại cho chị Phạm Thị L P số tiền 22.000.000 *(Hai mươi hai triệu)* đồng;

- Buộc anh Nguyễn Việt Võ T phải trả lại cho chị Phạm Thị L P số tiền 5.700.000 *(Năm triệu bảy trăm nghìn)* đồng;

- Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả lại cho chị Phạm Thị L P số tiền 2.500.000 *(Hai triệu năm trăm nghìn)* đồng

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí; nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2025, bị cáo Nguyễn Tấn V có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/9/2025, bị hại chị Phạm Thị L Phương kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tấn V và xem xét lại phần trách nhiệm dân sự theo hướng buộc bị cáo trả gốc và lãi cho bị hại thay vì buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả tiền cho bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 09/10/2025, ngày 22/10/2025 và ngày 25/10/2025, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: chị Nguyễn Tạ Nữ Diệu H2, chị Nguyễn Thị Minh H3 và anh Trần Phạm Thanh X kháng cáo phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm theo hướng không đồng ý trả lại số tiền đã nhận từ bị cáo để trả lại cho bị hại chị Phạm Thị Lý P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo đều giữ nguyên kháng cáo; bị hại chị Phạm Thị Lý P giữ nguyên phần kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo và rút nội dung kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo mà chị Phạm Thị Lý P rút tại phiên toà; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo và phần trách nhiệm dân sự như bản án sơ thẩm đã tuyên;

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn V phát biểu quan điểm thống nhất với tội danh mà Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã xét xử đối với bị cáo. Tuy

nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn V có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2025/HS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại chị Phạm Thị Lý P kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, buộc bị cáo trả tiền cho bị hại thay vì buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Tạ Nữ Diệu H2, chị Nguyễn Thị Minh H3 và anh Trần Phạm Thanh X kháng cáo với lý do không đồng ý trả lại tiền cho bị hại như bản án sơ thẩm đã tuyên. Đơn kháng cáo của các chủ thể kháng cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, bị hại chị Phạm Thị L Phương rút nội dung kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên, trong nội dung kháng cáo của bị hại có liên quan đến nội dung kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: chị Nguyễn Tạ Nữ Diệu H2, chị Nguyễn Thị Minh H3, anh Trần Phạm Thanh X. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị hại về nội dung buộc bị cáo Nguyễn Tấn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh N1, chị Nguyễn Đào N2, anh Nguyễn Việt Võ T, anh Nguyễn Văn Đ phải trả lại tiền cho bị hại; đối với nội dung buộc các anh, chị Nguyễn Thị Minh H3, Trần Phạm Thanh X, Nguyễn Tạ Nữ Diệu H2 phải trả lại tiền cho bị hại, Hội đồng xét xử tiếp tục xét kháng cáo theo yêu cầu của người kháng cáo.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tấn V, thấy rằng:

[2.1]. Về tội danh:

Bị cáo Nguyễn Tấn V thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng tháng 7/2022, Nguyễn Tấn V đưa ra thông tin rằng V dự định đầu tư 01 thửa đất có diện tích 10.000m^2 tại xã T, thành phố Đ nhưng còn thiếu 01 tỷ đồng nên nhờ Phạm Thị Lý P đứng tên vay Ngân hàng giúp V; đồng thời V hứa hẹn sau khi mua được thửa đất này, V sẽ bán hoặc thế chấp ngân hàng để trả cho P. Do tin tưởng V, P đã vay ngân hàng 01 tỷ và chuyển toàn bộ số tiền trên cho V. Sau khi nhận tiền, V không thực hiện như cam kết mà lại dùng trả nợ cho

nhiều người và tiêu xài cá nhân. P nhiều lần yêu cầu V trả tiền nhưng V không trả và bỏ trốn.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kết tội bị cáo Nguyễn Tấn V "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" với tình tiết định khung "*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp tài sản của người khác đều bị trừng trị nhưng vì mục đích cá nhân, bị cáo vẫn thực hiện. Lợi dụng lòng tin của bị hại, chỉ trong thời gian ngắn bị cáo đã chiếm đoạt số tiền lớn. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương nên cần phải áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng cũng như răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần cho bị hại để khắc phục hậu quả; bị cáo có cha ruột là ông Nguyễn Tấn V1 được hưởng chính sách như thương binh, ông nội là ông Nguyễn Ngọc K được Nhà nước cấp giấy chứng nhận *Tổ quốc ghi công*, bà nội là bà Đặng Thị H4 được Nhà nước truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc từ chung thân. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 11 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn V không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đồng thời, như đã nhận định ở trên, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị hại chị Phạm Thị Lý P. Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phần trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Tấn V đều thừa nhận: trong tổng số tiền 1.000.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của chị Phạm Thị Lý P, một phần bị cáo tiêu xài cá nhân, một phần bị cáo đã sử dụng để trả nợ cho một số các nhân mà bị cáo nợ trước đó, cụ thể: chuyển trả cho chị Nguyễn Thị Minh H3 số tiền 205 triệu đồng, chuyển trả anh

Trần Phạm Thanh X số tiền 21 triệu đồng, chuyển trả cho chị Nguyễn Tạ Nữ D1 Hằng số tiền 400 triệu đồng, chuyển trả cho anh Võ Thanh N1 số tiền 13 triệu đồng, chuyển trả cho chị Nguyễn Đào N2 số tiền 22 triệu đồng, chuyển cho anh Nguyễn Việt Võ T số tiền 5,7 triệu đồng, chuyển cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 2,5 triệu đồng.

Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với tài liệu sao kê tài khoản Ngân hàng của V và kết quả xác minh của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q về thời gian, phương thức giao dịch, nội dung giao dịch; phù hợp với lời khai của các anh, chị Nguyễn Thị Minh H3, Trần Phạm Thanh X, Nguyễn Tạ Nữ Diệu H2, Võ Thanh N1, Nguyễn Đào N2, Nguyễn Việt Võ T và Nguyễn Văn Đ có tại hồ sơ vụ án. Số tiền bị cáo dùng để chuyển trả cho những người có tên nêu trên là do bị cáo lừa đảo của bị hại P mà có. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại cho bị hại số tiền mà bị cáo V trả nợ là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định tại các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự. Trường hợp chị H3, chị H2 và anh X cho rằng giữa các anh, chị có thỏa thuận vay mượn tiền với bị cáo V nhưng trong quá trình thực hiện giao dịch, bị cáo vi phạm nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các anh, chị thì các anh, chị có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Như vậy, kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phần trách nhiệm dân sự đã được Tòa án xem xét nhưng không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định; bị hại rút kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự tại phiên toà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị hại chị Phạm Thị Lý P về phần trách nhiệm dân sự với nội dung: buộc bị cáo Nguyễn Tấn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh N1, chị Nguyễn Đào N2, anh Nguyễn Việt Võ T, anh Nguyễn Văn Đ phải trả lại tiền cho bị hại chị Phạm Thị Lý P. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần nội dung này có hiệu lực thi hành.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn V, kháng cáo của bị hại chị Phạm Thị Lý P và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh H3, anh Trần Phạm Thanh X, chị Nguyễn Tạ Nữ Diệu H2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2025/HS-ST ngày 08 tháng

9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với bị cáo và phần trách nhiệm dân sự.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tấn V 11*(mười một)* năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 15/7/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc chị Nguyễn Thị Minh H3 phải trả cho chị Phạm Thị L P số tiền 205.000.000 *(hai trăm lẻ năm triệu)* đồng;

- Buộc anh Trần Phạm Thanh X phải trả lại cho chị Phạm Thị L P số tiền 21.000.000 *(hai mươi mốt triệu)* đồng;

- Buộc chị Nguyễn Tạ Nữ Diệu H2 phải trả lại cho chị Phạm Thị L P số tiền 400.000.000 *(bốn trăm triệu)* đồng;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án nếu chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23; khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo Nguyễn Tấn V phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm;

- Chị Phạm Thị Lý P phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001363 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm;

- Chị Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001359 ngày

09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm;

- Anh Trần Phạm Thanh X phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001353 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Anh X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm;

- Chị Nguyễn Tạ Nữ Diệu H1 phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001362 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm;

5. Các phần quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2025/HS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên